ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NAM YANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/KH-UBND	*Nam Yang, ngày 27 tháng 9 năm 2022*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Nam Yang

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017- 2025; Thông tư số 13/2020/TT BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; văn bản số 879/BGDĐT-CSVC ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn huyện Đak Đoa.

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Đak Đoa về Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn huyện Đak Đoa.

Ủy ban nhân dân xã Nam Yang xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

L MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2021-2025 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn huyện.

- Ưu tiên đầu tư đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo lộ trình thực hiện đề án phát triển giáo dục mầm non và đổi mới chương trình sách giáo khoa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025:

+ Từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1.

+ Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 2 và lớp 6.

+ Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 3, lớp 7.

+ Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 4, lớp 8.

+ Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 5, lớp 9.

- Thực hiện xây dựng thay thế phòng học nhờ, mượn, phòng học tạm, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp; đầu tư xây dựng bổ sung phòng học đạt chuẩn 01 lớp/01 phòng đối với cấp tiểu học.

- Đầu tư xây dựng bổ sung đủ số phòng học còn thiếu so với tổng nhu cầu cần cho cấp học (cấp tiểu học) đảm bảo đạt tiêu chuẩn 01 lớp/01 phòng đảm bảo đến năm 2025 có 100% học sinh tiểu học trong toàn xã học 2 buổi/ngày.

- Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non và phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

- Mua sắm thay thế số thiết bị đã hư hỏng, hết niên hạn không thể khắc phục, sửa chữa được.

2. Yêu cầu

- Giáo dục mầm non: Từng bước đáp ứng mỗi nhóm lớp có 01 phòng sinh hoạt chung (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ), có công trình vệ sinh và các thiết bị phục vụ dạy học; mỗi trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật và có các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng tối thiểu theo quy định; mỗi điểm trường có tối thiểu 05 thiết bị đồ chơi ngoài trời; có nhà bếp, nhà ăn, nhà kho phục vụ nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc trẻ.

- Giáo dục tiểu học: Đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh. Mỗi trường có đủ thiết bị dạy học các môn như: Toán, Tiếng Việt, Ngoại ngữ, Đạo đức, Tự nhiên - Xã hội, Lịch sử - Địa lý, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm và thiết bị dùng chung... đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Giáo dục trung học cơ sở: Từng bước đầu tư đảo đảm mỗi lớp có tối thiểu một phòng học riêng, có đủ bàn ghế theo quy định. Mỗi trường có đủ thiết bị phục vụ dạy học các môn như: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử - Địa lý, Khoa học tự nhiên, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm và thiết bị dùng chung... đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

II. THỰC TRẠNG

1. Quy mô trường, lớp, học sinh theo các cấp học

- Năm học 2021-2022, toàn xã có 03 cơ sở giáo dục gồm 01 trường mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trườngTHCS.

- Đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý giáo dục đa số có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Tính đến cuối năm học, ngành Giáo dục và Đào tạo xã có 105công chức, viên chức và người lao động.Theo định mức còn thiêu giáo viên hầu hết ở các bậc học.

2. Thực trạng về phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị

Cơ sở vật chất hiện tại cơ bản đáp ứng tối thiểu việc giảng dạy trong toàn xã. Tuy nhiên, để đáp ứng theo yêu cầu cùa chương trình giáo dục phổ thông mới thì cần phải bổ sung nhiều phòng học, phòng chức năng. Thiết bị dạy học tối thiểu đã được trang bị từ năm 2005 đến nay hầu hết bị hư hỏng, không dùng được và không đáp ứng được cho chương trình giáo dục phổ thông mới, cụ thể:*(Có phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 kèm theo)*

III. NHU CẦU VỀ PHÒNG HỌC, PHÒNG CHỨC NĂNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Để đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non phù hợp bối cảnh địa phương; Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Đề án giảm lớp ghép và Chương trình xây dựng Nông thôn mới của xã thì cần phải bổ sung nhiều phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học, cụ thể:*(Có phụ lục 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 kèm theo)*
- Kết quả xác định nhu cầu đầu tư phòng học và thiết bị theo các phụ lục trên, đã bao gồm toàn bộ cơ sở vật chất sau khi thực hiện sáp nhập các cơ sở trường học theo Nghị quyết so 19-NQ/TW của Trung ương.

IV. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Các hạng mục, kinh phí và phân kỳ đầu tư: *(Có phụ lục kèm theo)*.

2. Mua sắm trang thiết bị dạy học

Các hạng mục, kinh phí và phân kỳ đầu tư: *(Có phụ lục kèm theo)*.

3. Nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách từ các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cân đối từ nguồn ngân sách huyện cấp về cho cấp xã.
- Huy động các nguồn hợp pháp khác.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện chương trình trong quá trình triển khai thực hiện, đảm báo đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.
- Xây dựng kế hoạch và xác định danh mục thiết bị, công trình xây dựng cho từng năm theo danh mục công trình đã được phê duyệt.
- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân và thủ tục quyết toán vốn hoàn thành các công trình theo quy định hiện hành.
- Tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình.
- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã để thực hiện các mục tiêu của chương trình theo đúng kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng các công

trình mua sắm, xây dựng, chống thất thoát, tiêu cực.

- Đưa thiết bị, các phòng học, phòng chức năng vào sử dụng đúng mục đích sau khi nhận bàn giao đưa vào sử dụng, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Các trường học

- Định kỳ báo cáo ủy ban nhân dân xã những khó khăn vướng mắc để có hướng giải quyết phù hợp.

- Báo cáo cho ủy ban nhân dân xã tình hình triển khai kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025; bảo quản, sử dụng phòng học, phòng chức năng, chuyên môn, thiết bị máy móc trong trường học đạt hiệu quả; triển khai công tác bảo quản và sử dụng các công trình, thiết bị máy móc trong trường học hợp lý.

- Phối hợp với các ban, ngành liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện; ưu tiên kinh phí hoạt động được cấp trong năm, huy động xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để giải quyết dứt điểm việc thiếu phòng học và các phòng chức năng, chuyên môn, thiết bị máy móc trong trường học giai đoạn 2021-2025.

2.2. Công chức Địa chính – Xây dựng

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.3. Công chức Văn hóa và Thông tin

Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện; Phối hợp với các trường nắm thông tin về hệ thống thông tin cơ sở, thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch để các tổ chức, cá nhân, người dân biết và tích cực tham gia kiểm tra, giám sát.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Nam Yang./.

Nơi nhận:
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
-Các Trường học;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Vũ Hoàng Yên

Phụ lục 3

THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 cùa UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Địa chỉ		Số lớp	Số HS	Phòng học (phòng)	Phòng giáo dục thể chất (phòng)	Phòng giáo dục nghệ thuật (phòng)	Phòng đa chức năng (phòng)	Phòng Y tế (phòng)
		Thôn/làng	Xã							
1	Mẫu giáo Nam Yang	Thôn 3	Nam Yang	6	175	5	1	1	0	1
Tổng cộng				**6**	**175**	**5**	**1**	**1**	**0**	**1**

Phụ lục 3

THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 củaUBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Địa chỉ		Số lớp	Số HS	Phòng học (phòng)	Phòng học bộ môn Tin học (phòng)	Phòng học bộ môn ngoại ngữ (phòng)	Phòng học bộ môn Âm nhạc (phòng)	Phòng học bộ môn Mĩ thuật (phòng)	Phòng Đa chức năng (phòng)	Phòng học bộ môn KHCN (phòng)	Phòng thư viện (phòng)	Phòng thiết bị giáo dục (phòng)	Nhà đa năng (nhà)	Phòng Ytế (phòng)
		Thôn/làng	Xã													
1	Tiêu học Nam Yang	Thôn 3	Nam Yang	22	779	22	1	1	0	1	0	0	1	0	1	
Tổng cộng				**22**	**779**	**22**	**1**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	

Phụ lục 3

THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG THCS

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBNDngày tháng 9 năm 2022 của UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Địa chỉ		Số lớp	SỐ HS	Phòng học (phòng)	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (Lý, Hóa, Sinh) (phòng)	Phòng học bộ môn Công nghệ (phòng)	Phòng học bộ môn Tin học (phòng)	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (phòng)	Phòng học bộ môn Âm nhạc (phòng)	Phòng học bộ môn Mĩ thuật (phòng)	Phòng học bộ môn KHXH (phòng)	Phòng đa chức năng (phòng)	Thư viện (phòng)	Phòng thiết bị giáo dục (phòng)	Nhà đa năng (nhà)	Phòng Y tế (phòng)
		Thôn/làng	Xã															
1	THCS Phan Chu Trinh	Thôn 1	Nam Yang	15	612	8	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
Tổng cộng				**15**	**612**	**8**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**

Phụ lục 4

THỰC TRẠNG TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBNDngày tháng 9 năm 2022 của UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Thiết bị dạy học tối thiểu (bộ)	Thiết bị đồ choi ngoài trời (bộ)
1	Mầu giáo Nam Yang	**3**	**10**
Tổng cộng		**3**	**10**

Phụ lục 5

THỰC TRẠNG TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC TRƯỜNG TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBNDngày tháng 9 năm 2022 của UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trườ ng	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu ló p 2 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5 (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn KH- CN (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Âm nhạc (bọ)	Thiết bị phòng học bộ môn Mĩ thuật (bộ)	Máy vi tính HS thực hành (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Ngoại ngữ (bộ)	Bàn, ghế 02 chỗ ngồi (bộ)
1	Tiểu học Nam Yang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	457
Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	457

Phụ lục 8

THỰC TRẠNG TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC TRƯỜNG THCS

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 cùa UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 7 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 8 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 9 (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn KH- CN (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn khoa học tự nhiên (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn khoa học xã hội (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Âm nhạc (bọ)	Thiết bị phòng học bộ môn Mĩ thuật (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Ngoại ngữ (bộ)	Máy vi tính HS thực hành (bộ)	Bàn,ghế 02 chỗ ngồi (bộ)
1	THCS Phan Chu Trinh	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	40	180
Tổng cộng		**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**40**	**180**

Phụ lục 8

NHU CẦU ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngàytháng 9 năm 2022 cùa UBNDxã Nam Yang)

STT	Tên trường	Địa chỉ		Số lớp	Số HS	Phòng học (phòng)	Phòng giáo dục thể chất (phòng)	Phòng giáo dục nghệ thuật (phòng)	Phòng đa chức năng (phòng)	Phòng Y tế (phòng)
		Thôn/làng	Xã							
1	Mầu giáo Nam Yang	Thôn 3	Nam Yang	**6**	175	3	0	1	1	0
Tổng cộng				**6**	**175**	**3**	**0**	**1**	**1**	**0**

Phụ lục 8

NHU CÀU ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO TRƯỜNG TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND Xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Địa chỉ		Số láp	Số HS	Phòng học (phòng)	Phòng học bộ môn Tin học (phòng)	rnong học bộ môn ngoại ngữ ı nhÀnơi	Phòng học bộ môn Âm nhạc (phòng)	Phòng học bộ môn Mĩ thuật (phòng)	Phòng Đa chức năng (phòng)	Phòng học bộ môn KHCN (phòng)	Phòng thư viện (phòng)	Phòng thiết bị giáo dục (phòng)	Nhà đa năng (nhà)	Phòng Y .X tê (phòng)
		Thôn/iàng	Xã													
1	Tiểu học Nam Yang	Thôn 3	Nam Yang	22	779	0	0	0	0	0	**1**	**1**	0	1	**0**	0
Tổng cộng				**22**	**779**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**

Phụ lục 9

NHU CẦU MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC
CHO TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Thiết bị dạy học tối thiểu (bộ)	Thiết bị đồ choi ngoài trời (bộ)
1	Mầu giáo Nam Yang	**4**	**3**
Tổng cộng		**4**	**3**

Phụ lục 11

NHU CẦU MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC CHO CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 cùa UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5 (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn KH-CN (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Âm nhạc (bộ)'	Thiết bị phòng học bộ môn Mĩ thuật (bộ)	Máy vi tính HS thực hành (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Ngoại ngữ (bộ)	Bàn, ghế 02 chỗ ngồi (bộ)
1	Tiểu học Nam Yang	5	5	5	**5**	5	1	1	1	36	1	108
Tổng cộng		**5**	**5**	**5**	**5**	**5**	**1**	**1**	**1**	**36**	**1**	**108**

Phụ lục 11

NHU CẦU MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC CHO CÁC TRƯỜNG THCS

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2022 cùa UBND xã Nam Yang)

STT	Tên trường	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 7 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 8 (bộ)	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 9 (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn KH- CN (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn khoa học tự nhiên (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn khoa học xã hội (bộj	Thiết bị phòng học bộ môn Âm nhạc (bọ)	Thiết bị phòng học bộ môn Mĩ thuật (bộ)	Thiết bị phòng học bộ môn Ngoại ngữ (bộ)	Máy vi tính HS thực hành (bộ)	Bàn, ghế 02 chỗ ngồi (bộ)
1	THCS Phan Chu Trinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	5	132
Tổng cộng		**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**5**	**132**

KẾ HOẠCH ĐẦU Tư CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư		KÍ hoạch vốn					Cơ cáu %	Đơn vị lịp báo cáo đề xuất chù trương dầu tư
					QĐ, NQ đã thông qua (nếu có)	T.mức ĐT			Tiền sứ dụng đất				
						Tổng số	Tông số	Tỉnh phân cáp	NS huyện	(10% NST theo NQ I28)	Khác (!)		
I	Giáo dục					**123.870**	122.338	54.827	17.783	**36.500**	**I3.228**	**#REF!**	
1	Trướng Tiểu học sổ 1 xà la Băng	Xã la Băng	Nhà học lý thuyết 8 phòng, thiết bi vá các hang mục phu	2021	49/QĐ- UBND ngáy 13/01/2021	4.000	3.978	3.109	0	0	869		
2	Trường Mầm non xà la Băng	Xã la Bing	Nhá hiệu bộ, nhá giáo due thể chất, nhá bếp ăn, thiết bị vá các hang mục phu	2021	50/QĐ- UBND ngáy 13/01/2021	1.800	1 794	1.700	0	0	94		
3	Trướng phổ thông dãn tộc nội trú	Thi tran Đak Đoa	Sàn bóng đá (san ùi. cầu môn) nhá báo vệ, giường ngú hoc sinh, hé thong PCCC	2021	25/QĐ- UBND ngáy 11/01/2021	800	800	800	0	0	0		
4	Trường Tiểu học xã Trang	Xã Trang	Nhá học 01 phòng láng Koi	2021	53/QĐ- UBND ngáy 13/01/2021	420	400	400	0	**0**	0		
5	Thiết bi trướng học	Các xã, thi trần	Các trường đã đầu tư csvc từ năm 2020 trờ vè trước	2021	429/QĐ- UBND ngáy 12/3/2021	3 100	3 000	2 900	0	0	100		
6	Trang bi máy vi tinh cho 10 trường THCS	Các xi, thị trấn	150 bộ máy vi tinh	2021	531/QĐ- UBND ngáy 23/3/2021	2.250	2.217	2.100	0	0	H7		
7	Nhà vệ sinh học sinh các điểm trường	Các xã, thi trần	Nhà vệ sinh học sinh	2021	52/QĐ- UBND ngáy 13/01/2021	1.000	1 000	1.000	0	0	0		
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thướng xuyên huyên	Thị trần Đak Đoa	Xướng dạy nghề	2021	329/QĐ- UBND ngày 01/3/2021	1 400	1 398	1.350	0	0	48		
9	Trướng Tiểu hoc xã Nam Yang Hạng mục cái tao 12 phóng học	xá Nam Yang	Thay mới mái, trần	2021	61/QĐ- UBND ngáy 13/01/2021	400	400	0	400	0	0		
	Đám háo CSVCdạy và hục												
10	Trường PTDT bán trú Tiểu học Hà Đông, huyện Đak Đoa	Xi Há Đông	Nhá học 8 phòng, nhá hiệu bô. nhà ử học sinh, nhá ở giáo viên, san lấp mịt bằng vá các hạng mục phu	2022	122/NQ- HĐND ngày 12/11/2021; 4938/QĐ- UBNDngáy 29/12/2021	9 500	9 417	9 417	0	0	0		Phóng Giáo due vá Oáo tao
11	Trướng PTDT Bán trú Trần Kiên xã Hà Đông, huyện Đak Đoa	Xã Há Đông	Nhá ớ giáo viên, hoc sinh	2022	I16/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021, 4939/QĐ- UBND ngây 29/12/2021	1 000	1 000	1 000	0	0	0		Phóng Giáo due và Đáo tạo
12	Nhá vệ sinh các điểm trường, huyện Đak Đoa, tinh Gia Lai	Huyện Đak Đoa	Nhá vệ sinh học sinh	2022	I24/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	1.000	1.000	0	l.ooo	0	0		Phòng Giáo dục và Đáo tao
13	Trường Tiêu học và THCS Nay Der, xá H'Nol,huyện Đak Đoa	Xã H'Nol	cãi tao 03 phòng học thôn Sơl Trang	2022	104/NQ- HĐND ngay 12/11/2021	300	300	0	0	0	300		Phóng Giáo due vá Đáo tao
14	Trường Mầm non Hóa Binh, xã Trang, huyên Đak Đoa	Xã Trang	Nhà hiệu bõ và các hang mục phụ.	2022	I07/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	1.200	1 200	0	0	0	1.200		Phòng Giáo dục và Đáo tạo
15	Trướng Tiểu học số 3 thi trấn Đak Đoa. huyên Đak Đoa	Thị trần Đak Đoa	Nhá học lý thuyết, thực hành DTXD 540m2 vá các hang mục phu	2023	I09/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	6 000	6 000	0	0	6 000	0		Phòng Giáo dục và Đáo tao
16	Trường MĨU giáo xã Đak Sơmei, huyên Đak Đoa	Xã Đak Sơmei	3 phóng học văn hóa, 1 phóng học GDTC, nhá công vụ 01 phòng và khu vệ sinh giáo viên	2024	II3/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	2.500	2.500	0	0	2.500	0		Phòng Giáo due và Đáo tạo
17	Trường THCS Phan Chu Trinh, xã Nam Yang, huyện Đak Đoa	xã Nam Yang	Nhà hoc bõ môn 324m2, và các hang mục phụ	2024	162/NQ- HĐND ngày 12/11/2021	5.500	5 307	5.307	0	**0**	0		Phóng Giáo due và Đáo tao
18	Trướng Mầu giáo xi Há Đông, huyện Đak Đoa	Xá Há Đông	1 phóng học vin hóa. 1 phóng giáo due thể chat, nhá hiệu bộ , nhá công vụ 02 phòng vá các hang mục phụ	2024-2025	115/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	3 000	2 927	2.927	0	0	**0**		Phóng Giáo dục và Đáo tao

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư		Ke hoạch vón					Cơ cáu %	Đơn vị lập báo cáo đe xuất chù trương đàu tư
					QĐ, NQ đã thông qua (nếu có)	T.mức ĐT			Tiền sữ dụng đất				
						Tổng số	Tổng số	Tinh phân cáp	NS huyện	(10% NST theo NQ 128)	Khác (1)		
19	Trường Mầu giáo xã Glar, huyện Đak Đoa	Xã Glar	Nhá học GDTC, nhá học lý thuyết 4 phòng, nhà bếp	2024-2025	I14/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	4.000	4.000	0	0	4 000	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
20	Trường THCS Anh Hùng Núp xã Glar, huyện Đak Đoa	Xã Glar	Nhá học bô môn DTXD 324m2, cái tao 3 phòng học vá các hang mục phu	2022	121/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	6.000	6.000	0	0	6.000	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
21	Trường Tiểu học Tân Binh, huyện Đak Đoa	Tân Binh	4 phòng học bộ môn	2023	123/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	3.000	3.000	0	0	3.000	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
22	Trường THCS Anh Hùng Wừu xẫ Đak Sơmei, huyện Đak Đoa	Xẫ Đak Sơmei	Nhà học lý thuyết, thực hành DTXD 340m2 vá các hang mực phụ	2025	117/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	6.500	6.500	0	0	0	6.500		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
23	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng xã Tân Binh, huyện Đak Đoa	Xã Tân Binh	Nhá học bõ môn DTXD 324m2 vá các hang mục phu	2024	II8/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	5.500	5.500	0	0	5 500	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
24	Trường Tiểu hoc vá THCS Đinh Tiên Hoàng xã Kon Gang, huyện Đak Đoa	Xà Kon Gang	Nhà học bộ môn DTXD 324m2 và các hạng mục phụ	2024	110/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	5.500	5 500	0	0	5.500	0		Phóng Giáo dục và Đáo tao
25	Trường Tiểu học vá THCS Nay Der, xã H'Nol, huyện Đak Đoa	Xã H'Nol	Nhá họcvà các hang mục phụ	2024	103/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	4.000	4 000	4.000	0	0	0		Phóng Giáo dục và Đáo tao
26	Trường THCS Lê Quý Đòn, xã Trang, huyện Đak Đoa	Xẫ Trang	Nhá học bộ môn DTXD 324m2 vá các hang mục phu	2024-2025	I19/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	5 500	5.500	5.500	0	0	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
27	Trang bi phòng tin học cho các trường Tiểu học vá THCS trên địa bán huyện	Huyện Đak Đoa	Phòng tin học	2022-2023	106/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	10 500	10 000	0	4.000	4 000	2.000		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
29	Trang bi đồ dùng day học vá thiết bi ngoái trời cho các truóng THCS và Mầm non, mẫu giáo trên đia bán huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	Trang thiết bi	2024-2025	105/NQ- HĐND ngay 12/11/2021	9 500	9 000	2 000	7 000	0	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
	csvc Giáo dục chuẩn NTM					***/«. 700***	***/«. 700***	***11.317***	***5.383***	***0***	***2.000***	***0.00***	
28	Trường Mầu giáo xã la Pct, huyên Đak Đoa	Xà la Pết	Nhá hiệu bõ và các hang mực phụ	2022	111/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	2 000	2.000	0	0	0	2 000		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
29	Trướng Tiểu học xã la Pet, huyện Đak Đoa	Xã la Pet	Nhà học 8 phòng, nhá hiệu bộ, bộ môn và các hang mực phu	2022-2023	108/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	9.000	9.000	6.117	2 883	0	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tạo
30	Trướng Mầu giáo xã A'Dok, huyên Đak Đoa	xã A'Dok	02 phóng học, 01 nhà hiệu bợ, khu vệ sinh học sinh, khu vệ sinh giáo viên	2023	112/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	2.500	2.500	0	2.500	0	**0**		Phóng Giáo dục vá Đáo tao
31	Trường THCS Nguyễn Trãi xi A'Dok, huyên Đak Đoa	Xã A'Dok	Nhà học bộ mõn DTXD 324m2	2023	120/NQ- HĐND ngáy 12/11/2021	5.200	5.200	5 200	0	0	0		Phóng Giáo dục vá Đáo tao